

Bản án số: 654/2024/HC-PT  
Ngày 26 tháng 6 năm 2024  
V/v: “*Khiếu kiện quyết định  
hành chính và hành vi hành chính*”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh  
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên  
Ông Nguyễn Văn Túu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số ý 967/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1436/2023/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1436/2024/QĐPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Văn Quế L, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số E T, phường C, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

**Người đại diện hợp pháp của bà L:**

1. Ông Trịnh Tấn T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số E T, phường C, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A N, Phường C, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

3. Ông Bùi Quốc T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: B khu phố A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: 12.16 Chung cư A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:*

1. Ông Phạm Hoàng S - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, (vắng mặt).

2. Ông Cao Thăng C, sinh năm 1951; Địa chỉ: Căn hộ C, nhà B, chung cư C, khu phố G, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố T; Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Hoàng T2 – Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:*

1. Ông Nguyễn Minh T3- Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh Q – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Văn Quế L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình trình giải quyết vụ án đại diện tùy quyền của người khởi kiện, trình bày:*

Ngày 30/11/2001, Ủy ban nhân dân (UBND) Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN.QSDĐ) số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) cho ông (bà) Văn Quế L đối với diện tích 1.127m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: lúa) thuộc thửa 3367, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B và GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) cho ông (bà) Văn Quế L đối với diện tích 1.373m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: lúa) thuộc thửa 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B.

Toàn bộ phần đất nêu trên nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án Khu đô thị M theo Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của UBND thành phố về thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị M.

Ngày 23/4/2018, Ủy ban hành Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT về thu hồi 02 GCN.QSDĐ số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) ngày 30/11/2001, GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) ngày 30/11/2001 do Ủy ban cấp cho ông (bà) Văn Quế L đối với tổng diện tích 2.500m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: LN) thuộc thửa 3367, 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B do đã bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư để thực hiện xây dựng Khu đô thị M.

Người khởi kiện cho rằng đất bị thu hồi nằm ngoài ranh Dự án Khu đô thị mới Thủ thiêm nên không thuộc đối tượng bị thu hồi. Do đó, Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên:

- Hủy Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018 của U (nay là thành phố T) về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hành vi của UBND quận B và Chủ tịch U (nay là thành phố T) không đúng vì không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch có liên quan đến Quyết định 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND Thành phố về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị M.

- Hành vi của U và Chủ tịch U (nay là thành phố T) đã sử dụng Quyết định 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban Thành phố về thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị M để làm căn cứ pháp lý ban hành các Quyết định hành chính về điều chỉnh di chuyển dân cư, Quyết định bồi thường, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định thu hồi GCN.QSDĐ là không đúng.

*\* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

Ngày 30/11/2001, U cấp GCN.QSDĐ số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) cho ông (bà) Văn Quế L đối với diện tích 1.127m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: Lúa) thuộc thửa 3367, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B.

Cùng ngày 30/11/2001, U cấp GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) cho ông (bà) Văn Quế L đối với diện tích 1.373m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: Lúa) thuộc thửa 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B.

Toàn bộ phần đất nêu trên nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án Khu đô thị M theo Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của UBND thành phố về thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị M.

Trong quá trình thực hiện dự án, U đã ban hành Quyết định số 1534/QĐ-UB ngày 13/4/2005, Quyết định số 7302/QĐ-UBND ngày 15/10/2007, Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông (bà) Văn Quế L là chủ sử dụng diện tích 2.500m<sup>2</sup> thuộc 02 GCN.QSDĐ số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) ngày 30/11/2001 và GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) ngày 30/11/2001 với tổng số tiền 2.177.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên đã gửi ngân hàng do ông (bà) L chưa đồng ý với chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Ngày 11/3/2008, U ban hành Quyết định số 1858/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với ông (bà) Văn Quế L là chủ sử dụng diện tích 2.500m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: LN) thuộc thửa 3367, 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B.

Ngày 06/6/2008, Thanh tra xây dựng Q1 có Biên bản thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1858/QĐ-UBND ngày 11/3/2008 của Chủ tịch U.

Ngày 22/3/2018, Ban Bồi thường giải phòng mặt bằng Quận B có Công văn số 303/BBT về việc xử lý giấy chứng nhận đối với một số trường hợp bị thu hồi đất trong Khu đô thị M với nội dung: Đối với các trường hợp hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư; các trường hợp phải áp dụng biện pháp hành chính để thu hồi đất (cưỡng chế), Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận không có cơ sở để thu hồi GCN.QSDĐ. Do đó, kiến nghị UBND quận

(thông qua Phòng T) lập thủ tục thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận theo quy định như những trường hợp hộ dân đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ngày 23/4/2018, Ủy ban hành Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT về thu hồi 02 GCN.QSDĐ số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) ngày 30/11/2001, GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) ngày 30/11/2001 do U cấp cho ông (bà) Văn Quế L đối với tổng diện tích 2.500m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: LN) thuộc thửa 3367, 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B do đã bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư để thực hiện xây dựng Khu đô thị M.

+ Đối với nội dung khởi kiện về hành vi không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch có liên quan trực tiếp đến Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND thành phố:

Tại thời điểm thu hồi đất, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 1998 và năm 2001 không quy định việc công bố quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất khi thu hồi đất.

Tuy nhiên, thực hiện theo Điều 4 Bản quy định về việc lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị được ban hành kèm theo Quyết định số 322-BXD/ĐT ngày 28/12/1993 của Bộ X: “Các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt phải được phổ biến công khai để nhân dân biết và thực hiện”, UBND thành phố đã tổ chức chỉ đạo việc công bố công khai quy hoạch Khu đô thị M (trước và sau khi có Quyết định thu hồi đất 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND thành phố) dưới hình thức, thời gian, địa điểm như sau:

- Công bố trên Tạp chí Kiến trúc tháng 01/1997, trên B1 các ngày 07/6/1997, 28/6/1997, 12/02/1998, 24/9/1998.

- Thực hiện các đợt triển lãm về quy hoạch Khu đô thị M như: Triển lãm S 300 năm tại T năm 1998, Triển lãm vào dịp Tết 2004 tại Tao Đàn do UBND thành phố tổ chức.

- Thực hiện các pano giới thiệu về quy hoạch Khu đô thị M tại ngã 4 đường T, L, tại bến phà T năm 2006; Trưng bày quy hoạch được duyệt theo quyết định 13585/KTST-QH do Ban quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị M tổ chức.

- Thông qua chương trình tổ chức lấy ý kiến người dân dự thảo chính sách đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư. Chương trình này được triển khai đến 5 phường trong Khu đô thị M vào buổi tối từ 18-21 giờ các ngày 03/6/2002 đến ngày 07/6/2002. Chương trình giới thiệu quy hoạch và dự thảo chính sách đền bù và hỗ trợ thiệt hại và tái định cư do Ban quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị M tổ chức.

- Ủy ban và Ban Q2 xây dựng Khu đô thị M đã tổ chức buổi công bố quy hoạch Khu đô thị M tại Hội trường Quận ủy Quận 2 sau khi UBND thành phố ban hành quyết định 6565/QĐ-UB và 6566/QĐ-UB ngày 27/12/2005.

+ Đối với nội dung liên quan đến việc ban hành Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định:



*“Điều 106. Đình chính, thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp*

*2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:*

*a) Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất trên Giấy chứng nhận đã cấp”.*

*Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai:*

*“Điều 87. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp*

*1. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất có nghĩa vụ nộp Giấy chứng nhận đã cấp trước khi được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật đất đai. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thu Giấy chứng nhận đã cấp chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để quản lý.*

...

*7. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; lập danh sách Giấy chứng nhận đã bị hủy gửi Sở T4, T5 để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử”.*

Như vậy, toàn bộ phần đất diện tích 2.500m<sup>2</sup> thuộc 02 GCN.QSDĐ số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) ngày 30/11/2001 và GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) ngày 30/11/2001 đã bị Nhà nước thu hồi tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của UBND thành phố để thực hiện công tác đầu tư xây dựng Khu đô thị M và đã được bồi thường, hỗ trợ theo quy định nhưng ông (bà) L chưa nộp lại bản chính giấy chứng nhận này nên cần thiết phải thu hồi để tránh hậu quả pháp lý về giao dịch dân sự có thể xảy ra.

Do đó, việc U ban hành Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT về thu hồi 02 GCN.QSDĐ số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDĐ) ngày 30/11/2001 và GCN.QSDĐ số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDĐ) ngày 30/11/2001 do U cấp cho ông (bà) Văn Quế L đối với tổng diện tích 2.500m<sup>2</sup> nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1436/2023/HC-ST ngày 18/8/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 30, 32, 60, 61, 116, 157, 158, Điều 193 và 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, khoản 2 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Văn Quế L, gồm yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân quận B (nay là thành phố T) và hành vi của Ủy ban nhân dân quận B (nay là thành phố T) không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch có liên quan trực tiếp đến Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/8/2023, người khởi kiện là bà Văn Quế L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngày 05/9/2023, đại diện ủy quyền của người khởi kiện là ông Trịnh Tấn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án; trường hợp không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án; trường hợp không hủy bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện bảo lưu quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm và đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

*Về tố tụng:*

+ Đơn kháng cáo của bà Văn Quế L và ông Trịnh Tấn T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

+ Ngày 26/4/2019, bà Văn Quế L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018 của U (nay là thành phố T) và tuyên hành vi của U (nay là thành phố T) không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch có liên quan trực tiếp đến Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND thành phố H là không đúng quy định của pháp luật. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi của U và Chủ tịch U (nay là thành phố T) đã sử dụng Quyết định 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND Thành phố H về thu hồi và giao đất xây dựng khu đô thị M để làm căn cứ pháp lý ban hành các Quyết định hành chính về điều chỉnh di chuyển dân cư, Quyết định bồi thường, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định thu hồi GCN.QSDĐ là không đúng. Thì yêu cầu này của người khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý và tại biên bản đối thoại ở cấp sơ thẩm người khởi kiện cũng không yêu cầu giải quyết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định.

+ Đối với yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm hủy thêm các Quyết định 1534/QĐ-UB ngày 13/4/2005 của UBND quận B về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng; Quyết định 7302/QĐ-UB ngày 15/10/2007 của U về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung; Quyết định 1858/QĐ-UB ngày 11/3/2008 của Chủ tịch U về cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định 4055/QĐ-UB ngày 04/4/2011 về việc hỗ trợ bổ sung từ chính sách tái định cư của U; buộc U và Chủ đầu tư dự án khu đô thị T bồi thường phần diện tích 2.500m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa 3367, 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B cho bà Văn Quế L theo giá thị trường theo quy định pháp luật hiện hành. Thì, các yêu cầu này của phía người khởi kiện là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Về nội dung:*

[1] Xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018 của U (nay là thành phố T) về việc thu hồi GCN.QSDĐ của bà L:

[1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Thực hiện Dự án xây dựng Khu đô thị M, toàn bộ diện tích đất của bà Văn Quế L bị ảnh hưởng bởi dự án; U đã ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà L nhưng bà không đồng ý nhận tiền bồi thường. U đã thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của bà L nhưng B bồi thường giải phóng mặt bằng không có cơ sở thu hồi GCN.QSDĐ của bà L nên U ban hành các Thông báo thu hồi, hủy bỏ GCN.QSDĐ của bà Văn Quế L.

Tại Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018 về việc thu hồi GCN.QSDD của bà L lại ghi ông Văn Quế L là có sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản; tuy nhiên, sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Do đó, U ban hành Quyết định 952 về việc thu hồi GCN.QSDD của bà L là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, khoản 2 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[1.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Ngày 30/11/2001, U cấp GCN.QSDD số U 451017 (số vào sổ 00863 QSDD) cho ông (bà) Văn Quế L đối với diện tích 1.127m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: Lúa) thuộc thửa 3367, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B và cấp GCN.QSDD số U 451018 (số vào sổ 00862 QSDD) cho ông (bà) Văn Quế L đối với diện tích 1.373m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: Lúa) thuộc thửa 3368, tờ bản đồ số 1, phường A, Quận B. Tuy nhiên, toàn bộ diện tích đất nêu trên của bà L nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện Dự án xây dựng Khu đô thị M theo Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của UBND thành phố về thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị M.

Thực hiện Dự án xây dựng Khu đô thị M, U đã ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà L và đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của bà L. Nhưng do bà L chưa đồng ý nhận tiền bồi thường nên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng không thu hồi GCN.QSDD của bà L được.

Trên cơ sở đề nghị của Phòng T, U ban hành Quyết định 952 về việc thu hồi GCN.QSDD của bà Văn Quế L là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; Khoản 1, khoản 2 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Văn Quế L về yêu cầu hủy Quyết định 952 ngày 23/4/2018 của U (nay là thành phố T) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của U không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch có liên quan trực tiếp đến Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND thành phố H; Xét:

Tại thời điểm UBND thành phố H ban hành 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 thì theo Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 1998 và năm 2001 không quy định việc công bố quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất khi thu hồi đất.

Tuy vậy, phía người bị kiện đã thực hiện việc công bố công khai quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm trước và sau khi có Quyết định thu hồi đất 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND thành phố H, cụ thể: Công bố trên Tạp chí Kiến trúc tháng 01/1997, B1 các ngày 07/6/1997, 28/6/1997, 12/02/1998, 24/9/1998; Thực hiện các đợt triển lãm về quy hoạch Khu đô thị M; Thực hiện các pano giới



thiệu về quy hoạch Khu đô thị M tại ngã 4 đường T, L, tại bến phà T năm 2006; Trưng bày quy hoạch được duyệt theo Quyết định 13585/KTST-QH do Ban quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị mới T tổ chức; Tổ chức công bố quy hoạch Khu đô thị M tại Hội trường Quận ủy Quận 2 sau khi UBND thành phố ban hành Quyết định số 6565/QĐ-UB và Quyết định số 6566/QĐ-UB ngày 27/12/2005.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu tuyên “*Hành vi của U là không đúng vì không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997*” là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu hủy án sơ thẩm do có sai lầm trong áp dụng pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ hủy án, bản án sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy án của người khởi kiện.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà Văn Quế L và kháng cáo của đại diện ủy quyền của bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Văn Quế L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Điều 12, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 3, 32, 116, 157, 158, 193 và 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, khoản 2 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Văn Quế L; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1436/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Quế L về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 952/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân quận B (nay là thành phố T) về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà (ông) Văn Quế L.

- Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) không đúng vì không phổ biến, công khai bản đồ quy hoạch có liên quan trực tiếp đến Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Văn Quế L không phải nộp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự (2)
- Lưu VT (5), HS (2) 14B (BA- NTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Trinh**